TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** TỈNH BÌNH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2025/DS-ST
Ngày: 21-5-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Bình

2. Ông Nguyễn Đức Binh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Sang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2025/TLST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2025 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2025/QĐXXST-DS ngày 15/4/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2025/QĐST-DS ngày 05/5/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968 và ông Nguyễn Xuân Tr, sinh năm 1966; nơi thường trú: Tổ U, thôn T, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh B; Địa chỉ liên hệ: Nhà số M, đường số N, phường Ph, thành phố Th, Thành phố H.

Ông Tr chết ngày 28/02/2025 theo Giấy chứng tử số 08/2025 ngày 07/3/2025.

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Xuân Tr:

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968; nơi thường trú: Tổ U, thôn T, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh B.

2. Ông Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1992;

3. Bà Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1991;

4. Bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, sinh năm 1995;

5. Ông Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 2000;

6. Bà Nguyễn Thị Xuân Th1, sinh năm 2004;

Cùng thường trú: Thôn T, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đồng thời là người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th:

1. Bà Hoàng Thị Bích Ng, sinh năm 1984; Thường trú: Tổ U1, thôn T1, xã N, huyện Đ1, tỉnh B; Địa chỉ liên hệ: Nhà số M, đường số N, phường Ph, thành phố Th, Thành phố H.

2. Bà Nguyễn Ngọc Bảo K, sinh năm 2002; Thường trú: thôn T2, xã Th, huyện Đ2, tỉnh L; Địa chỉ liên hệ: Nhà số M, đường số N, phường Ph, thành phố Th, Thành phố H.

Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 17/02/2025 và văn bản ủy quyền ngày 26/3/2025).

- Bị đơn: Bà Trần Phùng Nh, sinh năm 1980 và ông Lê Minh Tr2, sinh năm 1977; cùng nơi cư trú: Số U3, đường T3, tổ V3, khu phố X3, thị trấn Đ4, huyện Đ1, tỉnh B.

Bà Ng, bà K, bà H, bà Nh có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Ông Tr2 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/12/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Hoàng Thị Bích Ng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vợ chồng bà Trần Phùng Nh và ông Lê Minh Tr2 có vay mượn tiền của bà Nguyễn Thị H và chồng là ông Nguyễn Xuân Tr để phục vụ cho nhu cầu của gia đình. Việc vay mượn có ghi nhận lại trong Giấy mượn tiền có chữ ký xác nhận của bà Trần Phùng Nh. Cụ thể như sau:

Ngày 16/01/2022, bà Trần Phùng Nh và ông Lê Minh Tr2 đã mượn số tiền 40.000.000 đồng.

Vợ chồng bà Nguyễn Thị H đã yêu cầu vợ chồng bà Nh trả nợ nhiều lần, tuy nhiên vợ chồng bà Nh luôn hứa hẹn hết lần này đến lần khác, trốn tránh không trả.

Nay, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Xuân Tr khởi kiện buộc bà Trần Phùng Nh, ông Lê Minh Tr2 có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Xuân Tr số tiền gồm: Tiền nợ gốc 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng), tiền lãi tính từ ngày 07/05/2022 đến ngày 15/4/2025 với mức lãi suất 10%/năm là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Tổng cộng là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

* Tại bản tự khai ngày 21/5/2025, bà Hoàng Thị Bích Ng trình bày:

Khoản nợ này được vợ chồng bị đơn bà Nh, ông Tr2 mượn để phục vụ cho nhu cầu gia đình nên đây là khoản nợ chung của vợ chồng ông, bà. Vì thế, cả hai vợ chồng bà Nh và ông Tr2 phải cùng chịu trách nhiệm thanh toán khoản nợ cho vợ chồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã đồng ý giảm nợ gốc và lãi cho bị đơn và chỉ yêu cầu vợ chồng bà Trần Phùng Nh trả số tiền nợ gốc là 35.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 07/5/2022 đến ngày 15/4/2025 với mức lãi suất 10%/năm là 5.000.000 đồng. Tổng cổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 40.000.000 đồng.

Sau đó, trong quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng bà Trần Phùng Nh trả được 1.400.000 đồng cho bà Nguyễn Thị H, cụ thể như sau: Ngày 01/5/2025, trả được 500.000 đồng; ngày 05/5/2025, trả được 400.000 đồng; ngày 09/5/2025, trả được 300.000 đồng; ngày 10/5/2025, trả được 200.000 đồng. Tổng số tiền vợ chồng bà Trần Phùng Nh còn nợ nguyên đơn là 38.600.000 đồng.

Nay nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đức Linh giải quyết buộc bà Trần Phùng Nh và chồng là ông Lê Minh Tr2 thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 38.600.000 đồng (Ba mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, sau phiên tòa xét xử sơ thẩm đến ngày bản án có hiệu lực mà bị đơn không tự nguyện trả tiền cho nguyên đơn thì bị đơn phải chịu lãi với mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 BLDS 2015 trên khoản tiền nợ còn phải trả tính từ ngày có bản án sơ thẩm có hiệu lực đến ngày thanh toán xong khoản nợ cho nguyên đơn.

- Tại các bản tự khai ngày 25/3/2025, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1 trình bày: Các ông, bà thống nhất từ chối nhận toàn bộ quyền tài sản, quyền và nghĩa vụ khác trong vụ án này, giao toàn bộ quyền tài sản cùng với quyền và nghĩa vụ khác liên quan đến vụ án cho bà H quyết định.

Tại bản tự khai ngày 08/5/2025, bà Hoàng Thị Bích Ng và bà Nguyễn Ngọc Bảo K là người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1 trình bày: Thống nhất ý kiến với những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr về việc họ từ chối nhận toàn bộ quyền tài sản, quyền và nghĩa vụ khác (bao gồm quyền nhận hoàn trả tiền tạm ứng án phí) trong vụ án và giao toàn bộ quyền tài sản, cùng với quyền và nghĩa vụ khác liên quan đến vụ án nêu trên cho nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/4/2025, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Phùng Nh trình bày: Bà Nh và ông Lê Minh Tr2 là vợ chồng có đăng ký kết hôn, cùng sống chung tại số 113 đường Trần Hưng Đạo, khu phố 9, thị trấn Đức Tài, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Ngày 16/01/2022, bà Nh có mượn của bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Xuân Tr số tiền 40.000.000 đồng, không thỏa thuận

trả lãi, hẹn 01 ngày góp 400.000 đồng trong thời gian 110 ngày, như vậy lãi là 4.000.000 đồng. Việc mượn tiền có lập giấy do bà Nh là người ghi, do bà H yêu cầu nên bà Nh ghi tên chồng bà Nh vào giấy, trong giấy chỉ có chữ ký của bà Nh, ngày ghi giấy là ngày 16/01/2022. Ông Tr, bà H đã giao đủ tiền cho bà Nh.

Việc mượn tiền này đều là do bà Nh mượn với tư cách cá nhân để mua bảo hiểm, ông Tr2 không biết. Từ lúc mượn tiền đến nay, bà Nh đã trả góp được nhiều ngày nhưng không có giấy tờ gì chứng minh cho việc trả tiền này.

Nay, bà H khởi kiện tại Tòa án buộc vợ chồng bà Nh có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Xuân Tr số tiền gồm: Tiền nợ gốc 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng), tiền lãi tính từ ngày 07/5/2022 đến ngày 15/4/2025 với mức lãi suất 10%/năm là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) thì bà Nh đồng ý một mình chịu trách nhiệm trả số tiền này, cụ thể: Từ tháng 4/2025, hàng tháng bà Nh sẽ trả cho bà H, ông Tr số tiền là 1.500.000 đồng cho đến khi thanh toán hết nợ.

- Bị đơn ông Lê Minh Tr2 trong suốt quá trình tố tụng không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có yêu cầu phản tố và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh:

+ Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn đồng thời là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr; bà Hoàng Thị Bích Ng, bà Nguyễn Ngọc Bảo K là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng thời là người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1, bị đơn bà Trần Phùng Nh chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Lê Minh Tr2 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 05/5/2025 và ngày 21/5/2025 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

Việc xác định tư cách người tham gia tố tụng của ông Nguyễn Văn Thanh là bị đơn trong vụ án là chưa đúng theo Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bởi chỉ có bà Nh ký mượn tiền còn ông Tr2 không tham gia.

+ Về nội dung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nguyên đơn, bị đơn bà Nh đều thừa nhận giữa hai bên có quan hệ mượn tiền, số tiền bị đơn mượn là 40.000.000 đồng. Bị đơn bà Nh khai nhận mượn tiền để mua bảo hiểm cho bản thân nên cần buộc chồng bà Nh là ông Tr2 cùng chịu trách nhiệm trả tiền là phù hợp. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1 đều trình bày từ chối nhận toàn bộ quyền tài sản, quyền và nghĩa vụ khác trong vụ án này, giao toàn bộ quyền tài sản cùng với quyền và nghĩa vụ khác liên quan đến vụ án cho bà H quyết định. Người

đại diện nguyên đơn thừa nhận chỉ yêu cầu bà Nh, ông Tr2 trả số tiền nợ gốc 35.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 07/5/2022 đến ngày 15/4/2025 với mức 10%/năm là 5.000.000 đồng, tổng cộng 40.000.000 đồng là phù hợp. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn đồng thời là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr; bà Hoàng Thị Bích Ng, bà Nguyễn Ngọc Bảo K là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng thời là người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1, bị đơn bà Trần Phùng Nh có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Lê Minh Tr2 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 05/5/2025 và ngày 21/5/2025 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.2] Về tư cách tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr chết ngày 28/02/2025 theo Giấy chứng tử số 08/2025 ngày 07/3/2025. Theo bản tường trình quan hệ nhân thân; bản sao Giấy chứng tử số 26/2010, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân xã Đ cấp ngày 25/10/2010 và bản sao Giấy khai sinh số 473 ngày 14/12/2018 của ông Nguyễn Xuân Tr do nguyên đơn nộp, thì mẹ ông Tr là bà Nguyễn Thị B3 và cha là ông Nguyễn Tr3 đã chết. Như vậy, căn cứ vào 05 bản sao Giấy khai sinh do Ủy ban nhân dân xã Đ cấp và Giấy chứng nhận kết hôn số 235, quyển số 01 ngày 28/02/1989 do Ủy ban nhân dân xã Đ cấp thì hàng thừa kế thứ nhất của ông Tr gồm vợ là bà Nguyễn Thị H và 05 người con ruột là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1. Do đó, Tòa án đưa những người này vào tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Tr.

[1.3] Về thay đổi tư cách tham gia tố tụng: Theo quy định tại Khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng Dân sự: *"Bị đơn trong vụ án dân sự là người bị nguyên đơn khởi kiện hoặc bị cơ quan, tổ chức, cá nhân khác do Bộ luật này quy định khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự khi cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị người đó xâm phạm"*. Trong vụ án này, nguyên đơn cho rằng bà Trần Phùng Nh và ông Lê Minh Tr2 nợ tiền của nguyên đơn, vì vậy nguyên đơn đưa ông Tr2 vào tham gia tố tụng với tư cách bị đơn là phù hợp. Như vậy, yêu cầu của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh về việc thay đổi tư cách tố tụng của ông Lê Minh Tr2 từ bị đơn thành người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không cần thiết.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện buộc vợ chồng bị đơn bà Trần Phùng Nh và ông Lê Minh Tr2 phải thanh toán số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), gồm: Tiền nợ gốc 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng), tiền lãi tính từ ngày 07/5/2022 đến ngày 15/4/2025 với mức 10%/năm là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Nay nguyên đơn yêu cầu bà Nh và ông Tr2 phải thanh toán số tiền 38.600.000 đồng (Ba mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng).

Nộp kèm là 01 Giấy mượn tiền ngày 16/01/2022 bản chính.

[3] Theo Giấy mượn tiền ngày 16/01/2022 do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án thể hiện: bà Trần Phùng Nh, SN 1980, số CMND W cấp ngày 22.2.2013 công an BT. Hôm nay ngày 16/01/2022, chồng Lê Minh Tr2, SN 1977, đc U3, đường T3, tổ V3, khu phố X3, thị trấn Đ4, huyện Đ1, BT có mượn bà H 40.000.000 đồng, ngày 400, thành 110 ngày. Phía dưới có chữ ký của bị đơn bà Trần Phùng Nh.

[3.1] Bà Trần Phùng Nh thừa nhận ngày 16/01/2022 có lập và ký Giấy mượn tiền với bà Nguyễn Thị H, nội dung giống như Giấy mượn tiền do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án. Bà Nh xác nhận có nợ nguyên đơn bà H số tiền gốc 40.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày.

[3.2] Theo Biên bản xác minh ngày 19/3/2025 tại Công an thị trấn Đ4 có nội dung: Ông Lê Minh Tr2, sinh ngày 25/12/1977, số định danh cá nhân W và bà Trần Phùng Nh, sinh ngày 06/01/1980, số định danh cá nhân W cùng đăng ký thường trú tại khu dân cư, tổ V3, khu phố X3, phường X, thành phố Ph, tỉnh B; nơi ở hiện tại số Số U3, đường T3, tổ V3, khu phố X3, thị trấn Đ4, huyện Đ1, tỉnh B. Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số 01 ngày 04/5/2005 của Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện V, tỉnh V1 cấp, thì bà Trần Phùng Nh và ông Lê Minh Tr2 là vợ chồng hợp pháp từ năm 2005. Như vậy, thông tin họ tên, quan hệ vợ chồng, địa chỉ khớp với thông tin cá nhân được ghi trong giấy mượn tiền mà nguyên đơn cung cấp.

[3.3] Xét thấy quá trình tố tụng, mặc dù ông Tr2 không đến tòa án làm việc, không có ý kiến gửi đến Tòa án và giấy mượn tiền do một mình bà Nh ký kết, nhưng căn cứ vào lời trình bày của bà Nh thì mục đích mượn tiền để mua bảo hiểm cho bà, như vậy, số tiền mượn dùng để chăm sóc sức khỏe cho bà Nh, là nhu cầu thiết yếu của gia đình. Từ đó có căn cứ xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng bà Nh, ông Tr2 theo quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, do đó, trách nhiệm trả tiền nợ thuộc về cả hai vợ chồng bà Nh, ông Tr2.

Như vậy, thực tế giữa nguyên đơn và bà Nh, ông Tr2 có việc mượn số tiền gốc là 40.000.000 đồng. Người đại diện nguyên đơn trình bày chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc 35.000.000 đồng và tiền lãi 5.000.000 đồng. Quá trình tố tụng, người đại diện nguyên đơn thừa nhận bị đơn bà Nh đã trả được 1.400.000 đồng, như vậy, tổng số tiền gốc và lãi chưa thanh toán là 38.600.000 đồng. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh được quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3.4] Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1 đều trình bày từ chối nhận toàn bộ quyền tài sản, quyền và nghĩa vụ khác trong vụ án này, giao toàn bộ quyền tài sản cùng với quyền và nghĩa vụ khác liên quan đến vụ án cho bà H quyết định. Như vậy bà Nh, ông Tr2 có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ cho nguyên đơn bà H là phù hợp. Từ đó có căn cứ xác định, việc bà H, ông Tr khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nh, ông Tr2 thanh toán số tiền nợ bao gồm tiền gốc và tiền lãi 38.600.000 đồng là có cơ sở theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về lãi suất: Theo Giấy mượn tiền và sự thừa nhận của hai bên, việc mượn tiền không thỏa thuận tính lãi. Giấy mượn ghi thời gian góp là 110 ngày. Như vậy, đây là quan hệ vay tiền không có lãi suất, có kỳ hạn. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, do đó, việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi sau khi hết kỳ hạn là phù hợp.

Số tiền gốc là 35.000.000 đồng mượn ngày 16/01/2022, thời gian góp là 110 ngày, vậy ngày hết hạn góp là ngày 06/5/2022. Lãi suất sẽ được tính từ ngày 07/5/2022 với mức lãi suất 10%/năm. Người đại diện nguyên đơn xác định số tiền lãi tính từ ngày 07/5/2022 đến ngày 15/4/2025 với mức 10%/năm là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Mức lãi suất này là phù hợp với quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, số tiền lãi và thời gian tính lãi có lợi cho bị đơn, vì vậy có cơ sở chấp nhận.

[5] Số tiền lãi này đã được gộp lại cùng tiền gốc 35.000.000 đồng thành 40.000.000 đồng và đã được bị đơn thanh toán 1.400.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền còn phải thanh toán gồm tiền gốc và lãi là 38.600.000 đồng.

[6] Về tạm ứng án phí: Thời điểm đóng tạm ứng án phí, bà H và ông Tr cùng đóng. Tuy nhiên, ngày 28/02/2025, ông Tr chết. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Tr cùng người đại diện hợp pháp của họ trình bày từ chối nhận toàn bộ quyền tài sản, quyền và nghĩa vụ khác (bao gồm quyền nhận hoàn trả tiền tạm ứng án phí) trong vụ án và giao toàn bộ quyền tài sản, cùng với quyền và nghĩa vụ khác liên quan đến vụ án nêu trên cho nguyên đơn bà H. Vì vậy, tiền tạm ứng án phí sẽ được trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

[7] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Phùng Nh và ông Lê Minh Tr2 phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 74, 92, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Các Điều 357, 463, 466, 468, Điều 609, Điều 614 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Xuân Tr đối với bị đơn bà Trần Phùng Nh và ông Lê Minh Tr2 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bị đơn bà Trần Phùng Nh và ông Lê Minh Tr2 có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số tiền 38.600.000 đồng (Ba mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Trần Phùng Nh và ông Lê Minh Tr2 phải chịu 1.930.000 đồng (Một triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng).

- Trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 1.265.000 đồng (Một triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005168 ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự (4);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND huyện Đức Linh (1);
- CC THADS huyện Đức Linh (1);
- TAND tỉnh Bình Thuận (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Dung